TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/DS - PT
Ngày: 11/01/2023
V/v Tranh chấp tiền chơi phường

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Lý.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và ông Lê Quý My

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 82/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp tiền chơi phường. Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/QĐPT - DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Dương Văn C, sinh năm 1964 *(có mặt tại phiên tòa)*

Địa chỉ: Tổ 11, phường PĐP, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

1.2. Bà Bàng Thị T, sinh năm 1965 *(có mặt tại phiên tòa)*

Địa chỉ: Tổ 11, phường ĐQ, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh N - Luật sư Văn phòng luật sư Thanh N - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên *(có mặt tại phiên tòa)*

2. Bị đơn:

2.1. Ông Dương Văn C1, sinh năm 1959

2.2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961 (vợ ông C1)

HKTT: Tổ 1, thị trấn HS, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên;

Chỗ ở hiện nay: Xóm TL, xã TH, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên *(có mặt ông C1, bà S)*

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Ông Vũ Văn C2 và ông Nguyễn Giang T1 - Luật sư Công ty luật TNHH N, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội *(có mặt tại phiên tòa).*

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn HS, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

4. Người kháng cáo: Ông Dương Văn C1, bà Nguyễn Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN THEO BẢN ÁN SƠ THẨM

Nguyên đơn ông Dương Văn C Ki: Do có mối quan hệ quen biết, nên vợ chồng ông Dương Văn C1 và bà Nguyễn Thị S rủ ông chơi phường do ông C1, bà S làm trưởng phường. Ông có tham gia chơi, ban đầu là phường 50.000.000đ trên một tháng, phường có lãi, người lấy trước trả lãi cho người lấy sau, gia đình ông C1 trực tiếp thu tiền phường bằng tiền mặt và chuyển khoản. Đến ngày 17/8/2018 âm lịch, đến lượt ông lấy tiền phường thì vợ chồng ông C1 tuyên bố vỡ phường, không trả tiền phường cho ông. Tổng số tiền phường ông đóng cho ông C1, bà S là 2.200.000.000đ, ông C1 với bà S đã trả được cho ông 03 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 17/8/2018 trả được 200.000.000đ.
- Lần 2: Ngày 06/10/2018 trả được 200.000.000đ.
- Lần 3: Ngày 23/9/2019 trả được 229.700.000đ.

Số tiền ông C1, bà S còn nợ lại là 1.570.300.000đ. Ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông C1, bà S trả ông số tiền trên và không yêu cầu phải trả lãi suất.

Nguyên đơn bà Bàng Thị T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, nên vợ chồng ông Dương Văn C1 và bà Nguyễn Thị S đã rủ bà chơi phường do ông C1, bà S làm trưởng phường. Bà có tham gia chơi, ban đầu là phường 5.000.000đ, rồi 10.000.000đ; 50.000.000đ; 100.000.000đ. Lúc đầu chơi phường nhỏ sau tăng dần lên, do tin tưởng vào gia đình ông C1 nên bà đã chuyển tiền đều đặn cho gia đình ông bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản. Tổng số tiền bà đã chuyển cho ông C1, bà S là 4.100.000.000đ, ông C1 với bà S có trả cho bà được bà 03 lần, cụ thể:

- Ngày 17/8/2018 bà S trả: 200.000.000đ;
- Ngày 06/10/2018 bà S trả: 100.000.000đ;
- Ngày 23/9/2019 bà S trả: 506.570.000đ;

Bà S, ông C1 còn nợ lại bà 3.293.430.000đ (Ba tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi ngàn đồng). Đến ngày bà được lấy phường tiếp theo thì ông C1, bà S tuyên bố bị vỡ phường. Bà đã đi lại đòi rất nhiều lần thì ông C1, bà S chỉ khất mà không trả số tiền còn lại cho bà, bà yêu cầu ông C1, bà S phải trả số tiền trên cho bà, bà không yêu cầu tính lãi số tiền trên. Tại phiên tòa, bà đề nghị Hội đồng xét xử trừ đi số tiền mà bà giao cho anh B là em trai của bà mã tiền 10.000.000đ (mã ngày 29/7/2018); 100.000.000đ (mã ngày 28/7/2018); 100.000.000đ (mã ngày 27/7/2018). Trừ đi số tiền bà đưa cho anh TA là con trai ông C1, bà S mã tiền 100.000.000đ (mã ngày 26/6/2018); 100.000.000đ (mã ngày 26/6/2018). Tổng số là 410.000.000đ, bà yêu cầu ông C1, bà S trả cho bà số tiền còn lại là 2.883.430.000đ.

Còn đối với số tiền mà bà đã trừ đi trong số tiền khởi kiện ông C1, bà S. Bà sẽ kiện anh Bình, anh TA bằng một vụ kiện dân sự khác tại Tòa án khi bà thu thập đủ tài liệu, chứng cứ đối với hai người này.

Tòa án nhân dân huyện Phú Bình đã tiến hành báo gọi ông Dương Văn C1, bà Nguyễn Thị S đến Tòa án để tiến hành lập bản tự Ki, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công Ki tài liệu, chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng ông C1, bà S đều không đến lập bản tự Ki và tham gia các phiên họp mà Tòa án đã triệu tập. Do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải được giữa các đương sự. Nên vụ án phải đưa ra xét xử công Ki vắng mặt ông C1, bà S.

Với nội dung trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ vào các điều 26, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 2 Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Họ, Hụi, Biêu, Phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn C, bà Bàng Thị T. Buộc ông Dương Văn C1, bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả số tiền phường còn nợ lại, cụ thể: Ông Dương Văn C1 và bà Nguyễn Thị S trả cho ông Dương Văn C số tiền là 1.570.300.000đ (Một tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, ba trăm ngàn đồng); Ông Dương Văn C1 và bà Nguyễn Thị S trả cho bà Bàng Thị T số tiền là 2.883.430.000đ (Hai tỷ, tám trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông C, bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C1, bà S không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn C1, bà Nguyễn Thị S phải nộp 112.453.730đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả ông Dương Văn C số tiền 29.550.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình (biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002629 ngày 23/11/2021); Hoàn trả bà Bàng Thị T số tiền 48.934.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình (biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002628 ngày 23/11/2021).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền thi hành án và kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2022, ông Dương Văn C1 và bà Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, do bản án sơ thẩm có nhiều vi phạm về tố tụng và nội dung làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông bà. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại một cách khách quan, toàn diện theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bổ sung kháng cáo:

+ Những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng của Tòa áp cấp sơ thẩm: Xác định sai nơi cư trú của bị đơn, vi phạm về tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng.

+ Về nội dung: Tòa án sơ thẩm buộc ông C1 phải thanh toán trả nợ cho ông C, bà T là không chính xác. Ông C1 không liên quan đến việc chơi phường giữa ông C, bà S và bà T. Ông chỉ nhận hộ tiền do bà S không có tài khoản hoặc đi vắng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Không nhất trí với ý kiến của phía bị đơn và Luật sư của bị đơn vì Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về niêm yết, tống đạt. Bị đơn và gia đình bị đơn không hợp tác nên Tòa án cấp sơ thẩm phải xét xử vắng mặt. Việc buộc ông C1 phải cùng bà S thanh toán tiền cho các nguyên đơn là đúng với sự việc các nguyên đơn chơi phường với ông C1, bà S chứ không phải riêng bà S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C1, bà S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DSST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày, tranh luận của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và bị đơn; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1.]: Đơn kháng cáo của ông Dương Văn C1, bà Nguyễn Thị S đảm bảo hình thức, thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí. Do vậy đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2.]: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về tiền chơi phường theo quy định tại Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình theo quy định tại Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 là chính xác.

[1.3.]: Trong vụ án có hai nguyên đơn là ông Dương Văn C và bà Bàng Thị T, ông C và bà T không có mối quan hệ thân thích với nhau, tuy họ cùng yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn là vợ chồng ông Dương Văn C1, bà Nguyễn Thị S, nhưng yêu cầu khởi kiện của họ là không đồng nhất, nhẽ ra trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm phải thụ lý yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bằng vụ án riêng biệt, nếu thấy rằng giải quyết chung trong một vụ án sẽ thuận lợi hơn thì lúc này Tòa án mới ra quyết định nhập hai vụ án thành một để giải quyết chung. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu khởi kiện của hai nguyên đơn ông C, bà T luôn trong cùng một vụ án là không đúng với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy, tuy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đúng trình tự theo quy định của pháp luật, nhưng việc giải quyết này cũng không làm ảnh hưởng đến

quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, các quyền lợi của họ vẫn được đảm bảo, nên Hội đồng phúc thẩm chỉ nhắc nhở, yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[1.4.]: Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ và đã có đầy đủ lời Ki thể hiện trong hồ sơ, nên việc xét xử vẫn được tiến hành theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Dương Văn C1, bà Nguyễn Thị S, thấy:

[2.1.]: Nội dung kháng cáo bị đơn và Luật sư của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm xác định sai nơi C1 trú của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1.1]: Theo hồ sơ vụ án, trong quá trình giải quyết, ông C có đơn đề nghị thông báo tìm kiếm người vắng mặt Tòa án cấp sơ thẩm đã đi xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông C1, bà S là tổ 1, thị trấn HS, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên đã xác định: *Ông Dương Văn C1, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961 có đăng ký hộ khẩu tại HS, PB, Thái Nguyên, nhưng hiện nay ông C1, bà S không có mặt tại nơi C1 trú, ông C1 bà S đi đâu chính quyền địa phương không rõ, kể từ năm 2019. Khi đi ông C1 bà S không thông báo với chính quyền địa phương. (Bút lục 57)*

[2.1.2]: Qua xác minh tại gia đình anh Nguyễn Văn K tại xóm TL, xã TH, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên ngày 26/10/2021 thì anh K cho rằng ông C1, bà S sống tại gia đình anh từ năm 2019 đến nay nhưng không đăng ký tạm trú tạm vắng. *(Bút lục 58)*

[2.1.3]: Trong quá trình xét xử phúc thẩm, tại phiên tòa ông C1, bà S xuất trình xác nhận nơi C1 trú của Công an xã ĐT, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên về việc đăng ký tạm trú từ tháng 6/2019 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã đi xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông C1, bà S. Tuy nhiên, địa phương không xác định được ông C1 bà S ở đâu, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh tại xóm TL, xã TH đối với em ruột của bà S là ông Nguyễn Văn K, thì được ông K xác nhận ông C1, bà S có ở nhà của ông, tại phiên tòa phúc thẩm ông C1 bà S xác nhận có ở nhà ông K khoảng 2 tuần, khi ông bán nhà thì chuyển đồ đạc về nhà ông K, thời gian bán nhà khoảng tháng 9/2019 (có chứng cứ là biên bản thỏa thuận về việc bán nhà do chính ông C1 xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm), sau đó về quê ông C1 ở xóm Thuần Pháp, xã Điềm Thụy vào tháng 2 năm 2019. Tuy nhiên, ông K lại xác định ông C1 bà S ở nhà ông K từ năm 2019 cho đến nay (ngày 26/10/2021). Mặc dù vậy, Công an xã Điềm Thụy lại xác định ông C1 tạm trú liên tục từ ngày 03/6/2019 đến 03/6/2021. Như vậy, ông C1 bà S đến ở nhà ông K sớm nhất là tháng 9/2019 và như ông bà Ki ở 2 tuần thì sớm nhất cuối tháng 9/2019 ông bà mới đến ở xóm Thuần Pháp. Đối với bà Nguyễn Thị S Công an xã Điềm Thụy xác nhận đăng ký tạm trú từ ngày 14/3/2022 đến 14/3/2024. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Ki ông C1 ở đâu bà ở đó, như vậy từ 9/2019 đến 14/3/2022 bà S không tuân thủ Luật cư trú về đăng ký tạm vắng, tạm trú. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm niêm yết tống đạt các văn bản tố tụng cho ông K là phù hợp với quy định của pháp luật. Về mặt thực tế, Tòa án cấp sơ

thẩm đã giao 36 trang tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T cho ông K để ông C1 bà S thực hiện quyền nghĩa vụ của mình, theo lẽ thường ông K sẽ chuyển cho ông C1, bà S vì ông K là em ruột của bà S, hai người không có mâu thuẫn gì. Nay, ông bà C1 S cho rằng không biết Tòa án cấp sơ thẩm đang thụ lý giải quyết vụ án là không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Mặt khác, ông C1 bà S đã được thực hiện quyền kháng cáo và đã được cấp phúc thẩm xem xét toàn diện vụ án.

[2.2]: Về nội dung Luật sư phía bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai nơi cư trú của bị đơn dẫn đến giải quyết sai thẩm quyền, Hội đồng xét xử thấy rằng: Như đã phân tích ở mục *[2.1]* thì Tòa án cấp sơ thẩm không xác định sai nơi cư trú của bị đơn, hơn nữa nếu thật sự ông C1, bà S có ở Điềm Thụy thì vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

[2.3]: Đối với nội dung bị đơn và Luật sư của bị đơn cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C1 phải có trách nhiệm thanh toán trả tiền cho ông C, bà T là không đúng, vì ông C1 không liên quan gì đến việc chơi phường giữa ông C, bà T, bà S. Hội đồng xét xử thấy: Ông C1 bà S là vợ chồng, việc chơi phường đã diễn ra một thời gian rất dài, khi người chơi đến nộp tiền phường có thể nộp cho bà S, ông C1 hoặc con trai ông bà là Tuấn Anh, nên ông C1 biết việc chơi phường này và hoàn toàn đồng thuận. Trên thực tế ông C1 đã nhận tiền nhiều lần của ông C, bà T thông qua tài khoản của ông hoặc nhận tiền trực tiếp. Có nhiều bảng phường ông C1, bà S đều ký (Bút lục 10, 11- bản chính ông C đã giao nộp cho Hội đồng xét xử tại phiên tòa) phía cuối có xác nhận nếu mất xuất nào thì bà S hoàn toàn chịu trách nhiệm đền đầy đủ gốc và lãi, phía dưới bà S và ông C1 đều ký. Do vậy, việc ông C1 cho rằng mình không tham gia chơi phường, không cùng bà S làm trưởng phường là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4]: Đối với nội dung Luật sư của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đúng thủ tục giao, tống đạt các văn bản tố tụng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi xác minh tại tổ 1, thị trấn HS thì được địa phương cung cấp ông C1, bà S không có mặt tại địa phương. Ông K xác định ông C1 bà S đang ở nhà ông ở xã TH. Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc giao, tống đạt cho ông K nhận thay ông C1 bà S, do không tìm gặp được ông C1, bà S. Ông K không hợp tác, Tòa án đã lập biên bản có chứng kiến của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, lẽ ra cấp sơ thẩm cần yêu cầu ông K cam kết giao tận tay ông C1, bà S, nội dung này cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Từ những phân tích tại các mục [2] Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự chỉ hủy bản án sơ thẩm khi có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng mà làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tuy cấp sơ thẩm có những vi phạm về thủ tục tố tụng như đã phân tích nêu trên, nhưng những vi phạm đó không làm ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía bị đơn và các đương sự khác trong vụ án, cũng như không làm thay đổi về chứng cứ và nội dung vụ án để từ đó có căn cứ khác dẫn đến bác yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Mặt khác, tại phiên tòa ông C1 bà

S đều xác định số tiền đã nhận của ông C, bà T, xác nhận số tiền ông C, bà T khởi kiện là đúng, bà S còn cho rằng số tiền nợ ông C, bà T còn nhiều hơn số tiền mà ông C, bà T đang khởi kiện. Hơn nữa ông C1 bà S đã nhận được bản án sơ thẩm và đã thực hiện quyền kháng cáo của mình. Do vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của ông C1 bà S vẫn được đảm bảo, được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết.

[4] Do vậy, kháng cáo của bà S, ông C1 và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông bà là không có căn cứ chấp nhận như các phân tích, đánh giá nêu trên.

[5] Chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Do kháng cáo của ông C1, bà S không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn C1, bà Nguyễn Thị S.

II. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn C, bà Bàng Thị T. Buộc ông Dương Văn C1, bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả số tiền phường còn nợ lại, cụ thể:

- Ông Dương Văn C1 và bà Nguyễn Thị S trả cho ông Dương Văn C số tiền là 1.570.300.000đ (Một tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, ba trăm ngàn đồng).

- Ông Dương Văn C1 và bà Nguyễn Thị S trả cho bà Bàng Thị T số tiền là 2.883.430.000đ (Hai tỷ, tám trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông C, bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C1, bà S không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Ông Dương Văn C1, bà Nguyễn Thị S phải liên đới nộp 112.453.730đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả ông Dương Văn C số tiền 29.550.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình (biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002629 ngày 23/11/2021); Hoàn trả bà Bàng Thị T số tiền 48.934.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình (biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002628 ngày 23/11/2021).

- Án phí phúc thẩm: Ông Dương Văn C1, bà Nguyễn Thị S mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được chuyển từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp sang, theo biên lai thu số 0002924 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị C1ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Bình;
- Chi cục THADS huyện Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Lý